

Bản án số: 22/2020/DS - ST

Ngày: 29- 9-2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Đóa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đậu Cao Nhu

2. Bà Hồ Thị Huệ

**- Thư ký phiên Tòa:** Bà Vũ Hoàng Phương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 92/2020/TLST-DS, ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP C Việt Nam

Địa chỉ: Số 108 T H Đ, quận HK, thành phố HN.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Đức Th- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Vũ Tr - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C VN- Chi nhánh B NgA, tỉnh Nghệ An (Theo văn bản ủy quyền số: 902/UQ-HĐQT-NHCT18, ngày 16/11/2018) của Ngân hàng C Th VN. Ông Tr có mặt.

Địa chỉ chi nhánh: Khối 1, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh NgA.

2. *Đồng bị đơn:* Ông Trần Công D, sinh năm 1977. Có mặt.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 8, xã SH, huyện QL, tỉnh NgA.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Bùi Xuân Tr, sinh năm 1982. Có mặt.

Nơi ĐKKHKT trước đây: Xóm Th Th, xã Ng Th, huyện NgL, tỉnh Nghệ An.

Hiện nay ĐKKHKT tại: Xóm 8, xã QĐ, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

3.2. Ông Hồ Sỹ Q, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Bà Vũ Thị L, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Xóm 4, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

3.3. Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Bà Lê Thị Cẩm V, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Khối 10 thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Người được ông Q, ông D, bà L ủy quyền: Ông Bùi Xuân Tr, sinh năm 1982.  
Có mặt.

Nơi ĐKKHKT trước đây: Xóm Th Th, xã Ng Th, huyện NgL, tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKKHKT hiện nay: Xóm 8, xã QĐ, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C Th VN ông Nguyễn Vũ Tr trình bày có nội dung:

Ngày 11/8/2017, Ngân hàng TMCP CTh VN Chi nhánh B NGA đã ký hợp đồng tín dụng (HĐTD) số: 17400817/2017-HĐTD/NHCT444-TRANCONGDANH với ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 6.870.500.000 đồng (sáu tỷ tám trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng) và Ngân hàng đã giải ngân cho ông D bà H hai lần: Lần 1 là 6.170.500.000 và lần 2 là 700.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng. Mục đích vay vốn là để đóng mới tàu cá vỏ gỗ công suất 800CV khai thác thủy sản theo nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/07/2014. Thời hạn cho vay: 132 tháng. Lãi suất cho vay: Trong 6 tháng đầu tiên kể từ thời điểm khách hàng nhận nợ lần đầu, lãi suất cho vay được Nhà nước cấp bù toàn bộ. Từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất cho vay trong hạn là 7%/năm (trong đó nhà nước cấp bù lãi suất là 4%/năm, khách hàng phải trả lãi suất cho Ngân hàng C Th là 3%/năm) và lãi suất cho vay này có thể thay đổi theo quy định của Ngân hàng C Th trong từng thời kỳ. Trường hợp khách hàng phát sinh nợ quá hạn thì không được hưởng lãi suất ưu đãi cấp bù của nhà nước là 4%/năm, khách hàng phải trả theo lãi suất 7%/năm trong thời gian quá hạn. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D bà H đã trả được số tiền nợ gốc tính từ ngày 11/5/2018 đến 11/02/2020 là 990.258.368 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/9/2018 đến 11/02/2020 (gồm 17 kỳ nộp lãi) là: 287.522.167 đồng.

Khi vay ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị H đã thế chấp, cầm cố các tài sản:

1. Tàu cá vỏ gỗ công suất 800CV; số đăng ký: NA-97786-TS mang tên Trần Công D theo hợp đồng thế chấp tàu cá số: 17400817.01/HĐTC ngày 07/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN Chi nhánh B NgA với ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị H.

2. Tài sản thế chấp là bất động sản:

- Quyền sử dụng đất có thửa đất số 1001; tờ bản đồ số 11, diện tích đất là 220 m<sup>2</sup>. Trong đó: Đất ở: 220 m<sup>2</sup>. Tài sản trên đất là 03 ngôi nhà cấp bốn có diện tích sử dụng là 100 m<sup>2</sup> cùng toàn bộ các tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất trên có địa chỉ tại thôn CH, xã QL, huyện QL, tỉnh NgA. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 368850, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01232/CN theo quyết định số 6539/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu cấp ngày 01/9/2009 mang tên Trần Công D và Nguyễn Thị H theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17400817.02/HĐTC ngày 07/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN Chi nhánh B NgA với ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị H.

- Quyền sử dụng đất có thửa đất số 37; tờ bản đồ số 16, diện tích đất là 396,3m<sup>2</sup> (Trong đó đất ở : 396,3 m<sup>2</sup>). Tài sản trên đất là 01 nhà cấp bốn có diện tích sử dụng 40 m<sup>2</sup> cùng toàn bộ các tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất trên có địa chỉ tại xóm 4, xã QH, huyện QL, tỉnh NgA. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 290374, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 820/CN theo Quyết định số 736/QĐ-UBND do UBND huyện QL cấp ngày 06/5/2016 mang tên ông Hồ Sỹ Q và Vũ Thị L theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17400817.07/HĐTC ngày 07/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN Chi nhánh B NgA với ông Hồ Sỹ Q và bà Vũ Thị L.

- Quyền sử dụng đất có thửa đất số 486; tờ bản đồ số 15, diện tích đất là 210 m<sup>2</sup>. Trong đó: Đất ở: 210 m<sup>2</sup>. Tài sản trên đất là 01 nhà 03 tầng có diện tích sàn 266 m<sup>2</sup> cùng toàn bộ các tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất trên có địa chỉ tại Xóm 2, xã QM, huyện QL, tỉnh NgA, nay là Khối 10 thị trấn CG, huyện QL, tỉnh NgA. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 358304, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 172/CN theo quyết định số 805/QĐ-UBND do UBND huyện Quỳnh Lưu cấp ngày 12/7/2006 mang tên ông Nguyễn Xuân D và bà Lê Thị Cẩm V theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17400817.06/HĐTC ngày 07/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN Chi nhánh B NgA với ông Nguyễn Xuân D và bà Lê Thị Cẩm V.

- 01 sổ tiết kiệm số seri CA 04380703 mở tại Ngân hàng CTh VN Chi nhánh B NgA, giá trị: 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, chủ sở hữu Bùi Xuân Tr.

Trong thời gian qua ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị H thường xuyên không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến thời điểm hiện nay ông D và bà H mới trả được cho ngân hàng 990.258.368 đồng tiền gốc và 287.522.167 đồng tiền lãi. Từ ngày 11/02/2020 ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị H đã bị quá hạn tiền lãi, không trả lãi đúng hạn theo hợp đồng ký kết với Ngân hàng. Tính đến ngày 20/5/2020, ông D và bà H còn nợ ngân hàng V- CN B NgA số tiền là : **5.993.813.523** (năm tỷ chín trăm chín mươi ba triệu tám trăm mười ba nghìn năm trăm hai mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 5.880.241.632 (*năm tỷ tám trăm tám mươi triệu hai trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng*), nợ lãi (bao gồm nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn) đến ngày 20/5/2020 là 113.571.891 (*một trăm mười ba triệu năm trăm bảy mươi một nghìn tám trăm chín mươi một đồng*).

Số nợ trên đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 11/02/2020. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị H yêu cầu trả nợ nhưng ông D và bà H không thực hiện được.

**Ngân hàng TMCP C Th VN yêu cầu Tòa án giải quyết:**

Buộc ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị H trả nợ đầy đủ số tiền là: **5.993.813.523** (năm tỷ chín trăm chín mươi ba triệu tám trăm mười ba nghìn năm trăm hai mươi ba) đồng. Trong đó nợ gốc là 5.880.241.632 (*năm tỷ tám trăm tám mươi triệu hai trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng*), và nợ lãi (bao gồm nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn) đến ngày 20/5/2020 là 113.571.891 (*một trăm mười ba triệu năm trăm bảy mươi một nghìn tám trăm chín mươi một đồng*).

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP C Th VN có gửi cho Tòa án thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay

của ông Trần Công D và đơn trình bày về việc đã xử lý tài sản cầm cố của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân Tr số tiền 326.456.750 đồng. Nay Ngân hàng TMCP C Th VN yêu cầu ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị H trả nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2020 số tiền là 5.730.081.315 (năm tỷ bảy trăm ba mươi triệu không trăm tám mươi một nghìn ba trăm mười lăm đồng), trong đó nợ gốc 5.465.485.482 (năm tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng) và lãi suất (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) 264.595.833 (hai trăm sáu mươi tư triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng). Đồng thời tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 29/9/2020 cho đến khi ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông Trần Công D không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng TMCP C Th VN có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng TMCP C Th VN cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp tàu cá số 17400817.01/HĐTC ngày 07/8/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/17400817.01/VBSĐBSHĐTC ngày 26/9/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C Th VN – Chi nhánh Bắc NgA với ông Trần Công D và Nguyễn Thị H; Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17400817.02/HĐTC ngày 07/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị H; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17400817.07/HĐTC ngày 07/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Hồ Sỹ Q và bà Vũ Thị L; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17400817.06/HĐTC ngày 07/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Nguyễn Xuân D và bà Lê Thị Cẩm V.

Đối với tài sản cầm cố của anh Bùi Xuân T ngân hàng đã xử lý tài sản bảo đảm trên cho khoản vay nên đã có đơn xin rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của anh Bùi Xuân Tr và ông Tr không còn là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP C Th VN.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị H thống nhất trình bày:*

Vào thời gian tháng 8 năm 2017, vợ chồng ông D, bà H có nhu cầu vay tiền để đóng tàu theo Nghị định 67. Nên đã làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA số tiền 6.870.500.000đ (sáu tỉ tám trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên thành hai lần: lần thứ nhất 6.170.500.000đ và lần 2 là 700.000.000đ. Ông D bà H đã nhận đủ số tiền trên. Khi vay lãi suất 3%/ năm (nhà nước hỗ trợ 4%/năm), thời hạn trả nợ 11 năm, năm đầu tiền không phải trả nợ gốc và nợ lãi (theo Nghị Định 67); thời gian ân hạn 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đầu tiên. Sau khi vay,

ông D bà H đã trả được số tiền 990.258.368 đồng (nợ gốc) và lãi suất 287.522.167 đồng.

Sau đó từ tháng 2 năm 2020 thì không trả được nợ nên chuyển thành nợ quá hạn. Nay ngân hàng C Th VN yêu cầu trả số nợ gốc và lãi suất như trên thì ý kiến của ông D bà H là đề nghị Ngân hàng gia hạn thêm thời hạn trả nợ (vì trong nghị định 67 thời gian ân hạn là 1 năm), và theo thông tư 01/2020/NHNN ngày 13/3/2020 về việc các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch covid – 19. Đồng thời đề nghị Ngân hàng phối hợp với sở nông nghiệp và UBND huyện rà soát phân loại các nhóm nợ để xin ý kiến tỉnh có biện pháp xử lý theo thông báo số 335 ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Nghệ An.

Về tài sản bảo đảm, theo nghị định 67, các tài sản thế chấp không phải là thế chấp mà là tín chấp để khởi đi vay ngoài nữa. Còn tài sản thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (con tàu). Nên ngân hàng đề nghị phát mại các tài sản bảo đảm thì ông D bà H không đồng ý.

Quá trình vay vốn có thế chấp tài sản gồm:

1. Tàu cá vỏ gỗ công suất 800CV; số đăng ký: NA-97786-TS mang tên Trần Công D theo hợp đồng thế chấp tàu cá số: 17400817.01/HĐTC ngày 07/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN – Chi nhánh Bắc NgAvới ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị H.

2. Quyền sử dụng đất có thửa đất số 1001; tờ bản đồ số 11, diện tích đất là 220 m<sup>2</sup>. Trong đó: Đất ở: 220 m<sup>2</sup>. Tài sản trên đất là 03 ngôi nhà cấp bốn có diện tích sử dụng là 100 m<sup>2</sup> cùng toàn bộ các tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất trên có địa chỉ tại thôn CH, xã QL, huyện QL, tỉnh Ng A. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 368850, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01232/CN theo quyết định số 6539/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện QL cấp ngày 01/9/2009 mang tên Trần Công D và Nguyễn Thị H theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17400817.02/HĐTC ngày 07/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgAvới ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị H.

3. Quyền sử dụng đất có thửa đất số 37; tờ bản đồ số 16, diện tích đất là 396,3m<sup>2</sup> (Trong đó đất ở : 396,3 m<sup>2</sup>). Tài sản trên đất là 01 nhà cấp bốn có diện tích sử dụng 40 m<sup>2</sup> cùng toàn bộ các tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất trên có địa chỉ tại xóm 4, xã QH, huyện QL, tỉnh Ng A. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 290374, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 820/CN theo Quyết định số 736/QĐ-UBND do UBND huyện QL cấp ngày 06/5/2016 mang tên ông Hồ Sỹ Q và Vũ Thị L theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17400817.07/HĐTC ngày 07/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Hồ Sỹ Q và bà Vũ Thị L.

4. Quyền sử dụng đất có thửa đất số 486; tờ bản đồ số 15, diện tích đất là 210 m<sup>2</sup>. Trong đó: Đất ở: 210 m<sup>2</sup>. Tài sản trên đất là 01 nhà 03 tầng có diện tích sàn 266 m<sup>2</sup> cùng toàn bộ các tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất trên có địa chỉ tại Xóm 2, xã QM, huyện QL, tỉnh NgA, nay là Khối 10 thị trấn CG, huyện QL, tỉnh

NgA. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 358304, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 172/CN theo quyết định số 805/QĐ-UBND do UBND huyện QL cấp ngày 12/7/2006 mang tên ông Nguyễn Xuân D và bà Lê Thị Cẩm V theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17400817.06/HĐTC ngày 07/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Nguyễn Xuân D và bà Lê Thị Cẩm V.

5. 01 sổ tiết kiệm số seri CA 04380703 mở tại Ngân hàng C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA, giá trị: 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, chủ sở hữu Bùi Xuân Tr.

*Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Sỹ Q và bà Vũ Thị L cùng thống nhất trình bày:*

Vào thời gian tháng 10 năm 2017 ông Q và bà L có dùng tài sản của vợ chồng là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 37 tờ bản đồ số 16, diện tích 396,3 m<sup>2</sup> tại xóm 4, xã QH, huyện QL, tỉnh NgA và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp bốn và toàn bộ công trình xây trên đất, để bảo đảm cho khoản vay của ông D bà H vay tiền tại Ngân hàng TMCP C Th VN, vay để đóng tàu theo Nghị định 67/CP. Ông Q bà L đã ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên của ông D bà H.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Trần Công D, bà Nguyễn Thị H trả nợ thì vợ chồng ông Q bà L đề nghị ông D bà H có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, để vợ chồng ông bà rút được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Đồng thời đề nghị Ngân hàng giãn thời gian và tạo điều kiện cho ông D bà H có thời gian thu xếp trả nợ.

Nếu ông D bà H không trả được nợ thì vợ chồng ông Q, bà L cũng không nhất trí phát mại tài sản thế chấp vì tài sản thế chấp không phải là thế chấp mà là tín chấp để khỏi đi vay ngoài nữa. Còn tài sản thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (con tàu).

*Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân D trình bày:*

Vào thời gian tháng 8 năm 2017 vợ chồng ông D, bà V có dùng tài sản của mình là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 486, tờ bản đồ số 15, diện tích 210 m<sup>2</sup> tại xóm 2, xã QM, huyện QL, tỉnh NgA (nay là khối 10 thị trấn CG, huyện QL) và toàn bộ tài sản trên đất, để thế chấp vào khoản vay của ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị H tại Ngân hàng C Th VN, mục đích vay đóng tàu theo Nghị định 67/CP. Nay Ngân hàng yêu cầu ông D bà H trả nợ thì ông D đề nghị ông D bà H có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, để ông D rút được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Đồng thời đề nghị Ngân hàng giãn thời gian và tạo điều kiện cho ông D bà H có thời gian thu xếp trả nợ.

Nếu ông D bà H không trả được nợ thì ông D cũng không nhất trí phát mại tài sản thế chấp của ông vì tài sản thế chấp không phải là thế chấp mà là tín chấp để khỏi đi vay ngoài nữa. Còn tài sản thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (con tàu).

*Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân Tr trình bày:* Vào thời gian tháng 10 năm 2017 ông có dùng tài sản của mình là sổ tiết kiệm

số seri CA04380703 ngày 16/10/2018, trị giá 300.000.000 đồng để cầm cố vào khoản vay của anh Trần Công D và chị Nguyễn Thị H, mục đích vay đóng tàu theo Nghị định 67/CP. Anh cam đoan số tiền trong sổ tiết kiệm trên là của ông, không liên quan đến vợ. Nay Ngân hàng yêu cầu anh Trần Công D, bà Nguyễn Thị H trả nợ thì anh đề nghị ông bà H có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, để ông lấy được sổ tiết kiệm về. Đồng thời đề nghị Ngân hàng giãn thời gian và tạo điều kiện cho ông D bà H có thời gian thu xếp trả nợ.

Nếu thỏa thuận được giữa ngân hàng và chủ tàu về việc sử dụng sổ tiết kiệm của ông để chuyển cho khoản nợ tàu được vào nợ trong hạn, và chủ tàu có biên bản xác nhận nợ cho ông thì ông nhất trí để tài sản đảm bảo chuyển cho tàu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Lê Thị Cẩm V nhiều lần, nhưng bà không đến Tòa án làm việc và không có bản khai gửi Tòa án.

*Kết quả xác minh, thẩm định tại chỗ:*

1. Tàu đánh cá đăng ký số: NA- 97786-TS có đặc điểm tàu cá vỏ gỗ công suất 800CV, màu sơn xanh, kích thước:

+ Chiều dài: Lmax, m: 24,05 , Ltk , m: 19,97

+ Chiều rộng: Bmax m: 7,18, Btk, m: 6,94.

+ Chiều cao mạn D, m: 3,2

Chiều chìm d, m: 1,97, mạn khô f, m: 1,23

Lắp máy: 01 máy chính MITSUBISHI Nhật Bản, số máy 25419478; công suất 800CV; Loại thiết kế: Điều chỉnh thiết kế kỹ thuật; tên thiết kế NgA-004-TS, năm thiết kế 2016.

Tàu đánh cá hiện nay đăng ký mang tên ông Trần Công Danh, hiện trạng giữ nguyên như khi đăng ký thế chấp, con tàu còn mới, ông Danh đang sử dụng không chuyển nhượng cho ai, không có ai tranh chấp.

2. Thửa đất số 1001; tờ bản đồ số 11, diện tích đất là 220 m<sup>2</sup> tại thôn Cộng Hòa, xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An mang tên Trần Công Danh và Nguyễn Thị Hồng. Quyền sử dụng đất trên của ông Danh bà Hồng lại nằm trong khu vực địa giới hành chính của xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu và chịu trách nhiệm quản lý đất thuộc xóm Hòa Thuận, xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, theo bản đồ đo số là thửa 188, tờ bản đồ số 26, có diện tích bằng diện tích đo thực tế là 276 m<sup>2</sup> Trong đó: Đất ở: 220 m<sup>2</sup> và đất vườn 56m<sup>2</sup> có tứ cận: Phía bắc giáp đường liên thôn dài 20m + 1,9m + 1,5m; Phía Nam giáp đất ông Trần Đức dài 22,5 m; Phía Đông giáp đất ông Trần Dung dài 8m; Phía Tây giáp đường xóm dài 12,1m + 2,6m.

Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp bốn mái vê tầng đa lợp ngói, 01 vì gỗ nền lát gạch hoa diện tích 70 m<sup>2</sup> và 01 ngôi nhà cấp bốn hai gian diện tích 30m<sup>2</sup>, nhà bếp và công trình vệ sinh, sân láng xi măng 50<sup>2</sup>, mái tôn 50 m<sup>2</sup>, cổng, tường bao xây sò tấp lổ. Các tài sản thế chấp hiện tại không thay đổi so với khi đăng ký thế chấp, do ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.

3. Thửa đất số 37; tờ bản đồ số 16, diện tích đất là 396,3 m<sup>2</sup> (đất ở 396,3 m<sup>2</sup>)

tại xóm 4, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An mang tên Hồ Sỹ Quý và Vũ Thị Luyến. Theo bản đồ đo số là thửa số 37, tờ bản đồ số 16, có diện tích bằng diện tích đo thực tế là 396,3 m<sup>2</sup>, có tứ cận: Phía Bắc giáp đất Hồ Sỹ Lương dài 35,6m; Phía Nam giáp ngõ đi chung dài 1,58m + 1,37m + 1,62m + 15,75m + 7,93m + 2,62m + 3,3m + 2,19m; Phía Đông giáp đường xóm dài 6,37 m + 3,29m; Phía Tây giáp đất Đặng Thị Tuệ dài 8,22 m.

Tài sản trên đất là một nhà cấp bốn 03 gian diện tích sử dụng 40 m<sup>2</sup> nền láng xi măng, lợp ngói; bếp và nhà vệ sinh. Các tài sản thế chấp hiện tại không thay đổi so với khi đăng ký thế chấp, do ông Hồ Sỹ Quý và bà Vũ Thị Luyến sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.

4. Thửa đất số 486; tờ bản đồ số 15, diện tích đất là 210 m<sup>2</sup> tại xóm 2, xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, nay là khối 10 thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An mang tên Nguyễn Xuân Dinh và Lê Thị Cẩm Vân. Theo bản đồ đo số là thửa 170, tờ bản đồ số 10, có diện tích bằng diện tích đo thực tế là 217,5 m<sup>2</sup> (Trong đó: Đất ở: 210 m<sup>2</sup> và đất vườn 7,5 m<sup>2</sup>, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đi dài 7,90 m; Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Biền dài 7,99 m; Phía Đông giáp nhà ở ông Lê Ngọc Phi dài 26,72 m; Phía Tây giáp đất Trịnh Quốc Hùng dài 27,64 m.

Tài sản trên đất là một nhà 03 tầng, sơn xanh, diện tích sàn 266 m<sup>2</sup>, cổng, tường bao, sân. Các tài sản thế chấp hiện tại không thay đổi so với khi đăng ký thế chấp, do ông Nguyễn Xuân Dinh và bà Lê Thị Cẩm Vân sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Buộc ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ViettinBank) thông qua Chi nhánh Bắc Nghệ An số tiền tính đến ngày 29/9/2020 là: 5.730.081.315 (năm tỷ bảy trăm ba mươi triệu không trăm tám mươi một nghìn ba trăm mười lăm) đồng, trong đó gốc 5.465.485.482 (năm tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng) và lãi suất (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) là 264.595.833 đ (hai trăm sáu mươi tư triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng) và tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông Danh bà Hồng không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.



Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 10.000.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí trên theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Công thương (VietinBank) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Sỹ Quý, bà Vũ Thị Luyến có địa chỉ tại xóm 4, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Dinh và bà Lê Thị Cẩm Vân có địa chỉ tại khối 10 thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An và ông Bùi Xuân Trúc có địa chỉ tại xóm 8, xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thụ lý là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Dinh, ông Hồ Sỹ Quý, bà Vũ Thị Luyến có giấy ủy quyền toàn bộ cho ông Bùi Xuân Trúc, việc ủy quyền là hợp pháp về hình thức và nội dung nên trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Xuân Trúc có toàn quyền thay mặt ông Nguyễn Xuân Dinh, ông Hồ Sỹ Quý, bà Vũ Thị Luyến quyết định, làm việc tại Tòa án theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Dân sự.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm Vân đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật giải quyết: Quan hệ vay tài sản phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng ngân hàng của ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng xảy ra từ năm 2017. Do ông Danh và bà Hồng vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay, ngày 20/5/2020 nguyên đơn làm đơn khởi kiện đến Tòa án nên pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ án là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Theo nguyên đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án thì ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 17400817/2017-HĐTD/NHCT444-TRANCONGDANH ngày 11 tháng 8 năm 2017 và các giấy nhận nợ số 01 ngày 11/8/2017; giấy nhận nợ số 02 ngày 23/8/2017 để vay vốn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank), số tiền vay: 6.870.500.000 đồng (Sáu tỷ tám trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Bản hợp đồng tín dụng này thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của

các bên và nội dung không trái pháp luật nên có hiệu lực. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng đã trả được cho ngân hàng số tiền 990.258.368 đồng tiền gốc và 287.522.167 đồng tiền lãi, sau đó ông Danh và bà Hồng không thanh toán được khoản nào nữa nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Theo bảng kê của Ngân hàng xuất trình tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2020, ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng còn nợ ngân hàng Vietinbank - CN Bắc Nghệ An số tiền là 5.730.081.315 (năm tỷ bảy trăm ba mươi triệu không trăm tám mươi một nghìn ba trăm mười lăm đồng), trong đó nợ gốc 5.465.485.482 (năm tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng) và lãi suất (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) 264.595.833 (hai trăm sáu mươi tư triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Hợp đồng tín dụng đã quá hạn thanh toán, lỗi thuộc về bên vay do không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn VietinBank là chủ nợ khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản nợ. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Danh và bà Hồng phải trả tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2020 là: 5.730.081.315 (năm tỷ bảy trăm ba mươi triệu không trăm tám mươi một nghìn ba trăm mười lăm đồng), trong đó gốc 5.465.485.482 (năm tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng) và lãi suất (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) 264.595.833 (hai trăm sáu mươi tư triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng), là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Về tài sản thế chấp, bảo lãnh cho khoản vay:

- Ngày 22/9/2020, Ngân hàng đã xử lý tài sản bảo đảm là sổ tiết kiệm có số seri CA 04380703 trị giá 326.756.150 đồng (bao gồm cả lãi suất) của anh Bùi Xuân Trúc, nên hiện nay ông Danh và bà Hồng còn nợ gốc là 5.465.485.482 đồng. Đồng thời ngân hàng có đơn xin rút ông Bùi Xuân Trúc là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, HĐXX chấp nhận việc rút yêu cầu trên của ngân hàng. Nếu anh Bùi Xuân Trúc và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác. HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Hợp đồng thế chấp tàu cá số 17400817.01/HĐTC ngày 07/8/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/17400817.01/VBSĐBSHĐTC ngày 26/9/2018 để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng số: 17400817/2017-HĐTD/NHCT444-TRANCONGDANH ngày 11/8/2017 được các bên tự nguyện thỏa thuận giao kết, có đơn đăng ký thế chấp, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng đúng thủ tục, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý, có hiệu lực thi hành theo quy định tại các Điều 317, 335 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17400817.02/HĐTC ngày 07/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An với ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng; hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17400817.07/HĐTC ngày 07/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Nghệ An với ông Hồ Sỹ Quý và bà Vũ Thị Luyến; hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17400817.06/HĐTC ngày 07/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An với ông Nguyễn Xuân Dinh và bà Lê Thị Cẩm Vân, để bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 17400817/2017-HĐTD/NHCT444-TRANCONGDANH ngày 11 tháng 8 năm 2017 được các bên tự nguyện thỏa thuận giao kết, có đơn đăng ký thế chấp, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quỳnh Lưu đúng thủ tục, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý, có hiệu lực thi hành theo quy định tại các Điều 317, 335 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì vậy trong trường hợp bên vay là ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng không trả được nợ thì xử lý phát mại tài sản của ông Trần Công Danh, bà Nguyễn Thị Hồng; ông Hồ Sỹ Quý và bà Vũ Thị Luyến; ông Nguyễn Xuân Dinh và bà Lê Thị Cẩm Vân theo các hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng Ngân hàng cần giãn nợ do ảnh hưởng của dịch covid 19, ông Danh bà Hồng không chứng minh được việc không trả nợ được do ảnh hưởng của covid19 được Ngân hàng xác nhận. Do đó không có cơ sở để cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi phí theo quy định tại Thông tư 01/2010/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020, như bị đơn trình bày. Đồng thời, tại điểm đ khoản 1 điều 4 Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ quy định “ Tài sản thế chấp: Chủ tàu được thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay”. Nghĩa là, việc thế chấp của các chủ tàu tại Ngân hàng bao gồm cả tài sản được hình thành trong tương lai, không phải như bị đơn trình bày là tài sản bảo đảm là con tàu, còn các tài sản khác không phải là tài sản thế chấp. Do đó việc không chấp nhận phát mại tài sản thế chấp khi không trả được nợ vì lý do các tài sản thế chấp ngoài con tàu không phải là tài sản thế chấp là không có căn cứ.

[4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và đã chi hết số tiền trên. Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn.

Xét thấy: Theo quy định tại Điều 157 và Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, do đó buộc bị đơn ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng phải hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số tiền 10.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 5.730.081.315 (năm tỷ bảy trăm ba mươi triệu không trăm tám mươi một nghìn ba trăm mười lăm đồng) được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 113.730.081 đồng (*Một trăm mười ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn không trăm tám mươi một*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.997.000 đồng (*năm mươi sáu triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn*), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003785 ngày 17/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

***Vì các lẽ trên***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 315, Điều 317, Điều 319, Điều 335, Điều 351, Điều 463, Điều 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158; khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Buộc ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) thông qua Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Bắc Nghệ An về khoản tiền vay của Hợp đồng tín dụng số 17400817/2017-HĐTD/NHCT444-TRANCONGDANH ngày 07 tháng 8 năm 2017, tính đến ngày 29/9/2020 là: **5.730.081.315** (năm tỷ bảy trăm ba mươi triệu không trăm tám mươi một nghìn ba trăm mười lăm đồng), trong đó gốc 5.465.485.482 (năm tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng) và lãi suất (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) 264.595.833 (hai trăm sáu mươi tư triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng có nghĩa vụ chung trả tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp vợ chồng ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số: 17400817/2017-HĐTD/NHCT444-TRANCONGDANH ngày

11/8/2017 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản đã thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp, cụ thể như sau:

- Xử lý bán tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tàu cá số: 17400817.01/HĐTC ngày 07/8/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/17400817.01/VBSĐBSHĐTC ngày 26/9/2018 của ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng là Tàu đánh cá số đăng ký: NA- 97786-TS đứng tên Trần Công Danh.

- Xử lý bán tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17400817.02/HĐTC ngày 07/8/2017 của ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng là thửa đất số 1001, tờ bản đồ số 11, diện tích 220 m<sup>2</sup> tại thôn Cộng Hòa, xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (nay là thửa 188, tờ bản đồ số 26, diện tích 276 m<sup>2</sup> tại xóm Hòa Thuận, xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An) được UBND huyện Quỳnh Lưu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 368850 ngày 01/9/2009 mang tên Trần Công Danh và Nguyễn Thị Hồng và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên.

- Xử lý bán tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17400817.07/HĐTC ngày 07/8/2017 của ông Hồ Sỹ Quý và bà Vũ Thị Luyến là thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16, diện tích 396,3 m<sup>2</sup> (trong đó: Đất ở nông thôn 396,3 m<sup>2</sup>) đã được UBND huyện Quỳnh Lưu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 290374, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 820/CN theo Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 06/5/2016, địa chỉ thửa đất: Xóm 4, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đứng tên ông Hồ Sỹ Quý và bà Vũ Thị Luyến và các tài sản gắn liền trên thửa đất nêu trên.

- Xử lý bán tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17400817.06/HĐTC ngày 07/8/2017 của ông Nguyễn Xuân Dinh và bà Lê Thị Cẩm Vân là thửa đất số 486, tờ bản đồ số 15, diện tích 210 m<sup>2</sup>; nay là thửa số 170, tờ bản đồ số 10, diện tích 217,5 m<sup>2</sup> đã được UBND huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 358304, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 172/CN theo quyết định số 805/QĐ-UBND do UBND huyện Quỳnh Lưu cấp ngày 12/7/2006 địa chỉ thửa đất: Khô 10 thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đứng tên ông Nguyễn Xuân Dinh và bà Lê Thị Cẩm Vân.

Trường hợp xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ thì yêu cầu ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng phải tiếp tục thanh toán số tiền còn lại cho đến khi trả nợ xong.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Công Danh và bà Nguyễn Thị Hồng phải chịu 113.730.081 (Một trăm mười ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn không trăm tám mươi một) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) 56.997.000 đồng (năm mươi sáu triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng), tiền

tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003785 ngày 17/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Quỳnh Lưu;
- Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ- VP.

**Phan Thị Đóa**